

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC HIỂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 19-11-2019

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoàng Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thanh Liêm.

Bà Bùi Ngọc Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Dung là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

Ngày 19 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 209/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2019 về việc: “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 75/2019/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị D, sinh năm 1973. (Xin vắng mặt)

Cư trú tại: Ấp N, xã T, huyện N, tỉnh C ..

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1970. (vắng mặt).

Cư trú tại: Ấp N, xã T, huyện N, tỉnh C ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nguyên đơn bà Lê Thị D trình bày:*

- Về hôn nhân: Vào năm 1989 bà D, ông K tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, nhưng đến nay chưa đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Trong quá trình sinh sống vợ chồng thường cự cãi với nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không thể hàn gắn quan hệ hôn nhân, đã ly thân hơn 10 năm nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, nên bà D yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn K.

- Về con chung: Có 01 người tên Nguyễn Thị M – sinh năm 1991, đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Ông Nguyễn Văn K đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông K không có văn bản nộp cho Tòa án trình bày ý kiến của mình về bà D yêu cầu ly hôn và cũng không tham gia phiên họp và hòa giải.

* *Tại phiên tòa:*

- Tại đơn yêu cầu xét xử vắng mặt bà D yêu cầu ly hôn với ông K; Về con chung, tài sản và công nợ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ông Nguyễn Văn K vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Văn K đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần 2, nhưng ông K vẫn vắng mặt không lý do; Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt đối với ông Nguyễn Văn K.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Vào năm 1989 bà D và ông K tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, nhưng đến chưa đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Theo lời trình bày của bà D, thì vợ chồng chung sống không hợp tính nhau dẫn đến mâu thuẫn trong cuộc sống do bất đồng quan điểm, vợ chồng ly thân hơn 10 năm nay, trong thời gian ly thân hai bên không liên lạc với nhau, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Do bà D và ông K sống chung với nhau mà không đăng ký kết theo quy định pháp luật, đã vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình, theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị D và ông Nguyễn Văn K không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Đã trưởng thành, nên không đặt ra xem xét.

[2.3] Về tài sản và công nợ: Đương sự không đặt ra yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bà Lê Thị D phải chịu án phí với số tiền là 300.000 đồng, được trừ phần tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thị D và ông Nguyễn Văn K.

2. Về con chung: Đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản và công nợ: Đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc bà Lê Thị D phải chịu án phí với số tiền là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005839 ngày 29 tháng 7 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển, án phí sơ thẩm bà D đã nộp xong.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, vắng mặt thì thời hạn kháng cáo kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Ngọc Hiển;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hiển;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Hoàng Tuấn